

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 06/02/2023 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Bùi Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ 11, khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N**

Ông Nguyễn Quốc Tân - Luật sư - Văn phòng luật sư Quốc Tân, đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ, Số 1061, đường H, phường S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện M, tỉnh D.

- Anh Hoàng Ngọc L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Anh Hoàng Ngọc G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (hiện đang ở Đài Loan).

*** Người đại diện theo ủy quyền của chị L, anh L, anh T và anh G:** Bà Bùi Thị N, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, khu 6, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, ông Hoàng Ngọc C trình bày:**

- Ông C trình bày: Phạm vi tôi khởi kiện bà N về việc chia thừa kế đối với diện tích 627 m² (trong đó 300 m² đất ở, còn lại đất vườn) tại thửa số 311, tờ bản đồ 21, địa chỉ: đội 3 (nay là khu 2), tổ 3, xã T, thành phố V đã được UBND huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/12/1999 đứng tên bà Đào Thị Kế (hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N đang quản lý, diện tích đất bà N đang sử dụng).

Nguồn gốc diện tích đất trên là của mẹ tôi là cụ Đào Thị Kế, chết năm 2010. Khi chết để lại tài sản nhưng không để lại di chúc phân chia tài sản. Bà Kế có chồng là bố chúng tôi ông Hoàng Ngọc Y, chết năm 1952. Ông Y và bà Kế sinh được hai người con là ông Hoàng Ngọc C, ông Hoàng Ngọc Q. Ông Y không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng. Sau khi ông Y chết bà Kế có con riêng là Hoàng Ngọc L, chết năm 2015 (chồng bà N). Bà Kế không kết hôn với ai khác ngoài ông Y và không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng nào khác. Ông L và bà N có 4 người con là anh L, L, T, G và không có con đẻ, con nuôi, bố mẹ nuôi nào khác. Ông L và N đã ly hôn năm 2007. Sau khi ly hôn, ông L không kết hôn với ai khác.

Đối với diện tích đất 627 m² trên có nguồn gốc là ông C làm đơn xin UBND xã T và UBND huyện Lâm Thao giao cho cụ Kế để cụ Kế sử dụng, khi giao đất thửa đất rất rộng, sau đó cụ Kế cắt thửa đất cho ông L một phần, cụ Kế một phần vào năm nào tôi không nắm được. Đối với thửa đất 627 m² cụ Kế là người trực tiếp sử dụng từ khi được nhà nước giao đất đến khoảng năm 2007. Từ năm 2007 – 2010 cụ Kế yếu nên ở với gia đình tôi trên thửa đất khác. Thửa đất 627m² từ năm 2007 đến năm 2010 bỏ không, không ai sử dụng. Quá trình sử dụng ngay từ năm 1980, tôi là người dựng 01 ngôi nhà trên thửa đất 627 m² cho cụ Kế ở, ngôi nhà này đến năm 2008 tôi là người dỡ ngôi nhà này để Q về thửa đất của tôi để cụ Kế có chỗ ở trên thửa đất của tôi đến khi cụ Kế chết. Thửa đất 627 m² hiện nay bỏ trống, không có công trình xây dựng gì và hiện nay không ai sử dụng. Hiện trạng thửa đất vẫn

giữ nguyên như thời gian cụ Kế còn sống, không ai tôn tạo gì, không có cây cối, lâm lộc gì có giá trị. Nay tôi khởi kiện bà N chia thừa kế thừa đất trên lý do bà N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận thừa đất này là của bà N. Tôi đề nghị chia thừa kế bằng đất.

*** Bị đơn bà Bùi Thị N và bà N là đại diện theo ủy quyền của chị L, anh L, anh T, anh G trình bày:**

Về quan hệ nhân thân, gia đình như ông C trình bày là đúng. Về diện tích 627 m² mà ông C đang khởi kiện là của riêng cụ Kế (cụ Y không có di sản thừa kế gì). Về nguồn gốc đất ông C cho rằng ông C làm đơn xin UBND xã T để cấp đất cho cụ Kế bà không biết vì lúc đó tôi chưa về làm dâu. Khi giao đất thừa đất rất rộng là thửa số 108, tờ bản đồ số 7. Quá trình sử dụng cụ Kế đã tách cho ông L một phần thừa đất vào năm nào tôi không nhớ được và phần đất tách ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tôi đang sử dụng thừa đất đứng tên ông L và diện tích đất 627 m² đứng tên cụ Kế. Lý do tôi sử dụng cả hai thửa đất vì ông L đã chết (đối với phần đất đứng tên ông L) và 627m² đứng tên cụ Kế vì cụ Kế đã Q nhượng theo giấy Q nhượng quyền sử dụng đất vườn lập ngày 29/12/99.

Hiện trạng thừa đất 627 m² và quá trình sử dụng: Khoảng từ những năm 1980 cụ Kế và ông L ở chung. Đến năm 1984 tôi lấy ông L nên tôi, ông L, cụ Kế ở khoảng 7 đến 8 năm thì cụ Kế tách đất và tôi, ông L đã Q sang phần đất tách đó, từ đó cụ Kế sống một mình đến năm 2004. Cũng trong năm 2004, cụ Kế và ông C, ông Q dỡ nhà, Q nhà sang đất nhà ông C và cụ Kế ở trên phần đất nhà ông C cho đến khi chết. Phần đất 627 m² tôi và ông L là người trực tiếp sử dụng, đến năm 2005 tôi và ông L xây một ngôi nhà như hiện nay. Việc xây nhà ông Q, ông C không phản đối gì, toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, cây cối lâm lộc trên đất là của tôi và ông L không còn tài sản nào của cụ Kế. Thừa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng không tôn tạo gì thêm. Khuôn viên thừa đất được toàn bộ xây tường bao vào năm 2016. Quá trình sử dụng, xây dựng tài sản trên đất cụ Kế, ông C, ông Q đều biết nhưng không ai phản đối gì lý do thừa đất trên cụ Kế đã Q nhượng cho ông L vào ngày 29/12/99. Nay diện tích 627 m² đất là tài sản của tôi, hiện GCNQSDĐ tôi đang quản lý, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi không đồng ý chia thừa kế.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- **Ông Hoàng Ngọc Q (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:** Ông nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc C. Ông đề nghị chia thừa kế thừa đất 627 m nhưng đề nghị nhận bằng đất, không nhận bằng tiền.

- **Anh Hoàng Ngọc T trình bày:** Bố tôi là ông L đã chết năm 2015, mẹ tôi là bà N. Năm 2007, bà N và ông L ly hôn không phân chia tài sản. Về quan hệ gia đình như bà N, ông C trình bày trên là đúng. Thừa đất 627m² ông Q khởi kiện chia thừa kế quan điểm của tôi như quan điểm của mẹ tôi là bà N. Toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất là tài sản chung của ông L, bà N, chúng tôi không có đóng góp gì. Nay tôi không xin hưởng tài sản trên theo hàng thừa kế của bố tôi mà đề nghị Tòa xác nhận tài sản đó là của mẹ tôi. Tôi không yêu cầu mẹ tôi thanh toán lại gì cho tôi.

- Ông C, bà N, ông Q, anh T đều được trực tiếp xem đọc giấy nhượng quyền sử dụng đất vườn lập ngày 29/12/99. Về mẫu so sánh để giám định chữ ký của cụ Kế chúng tôi không cung cấp được. Hiện nay ông trưởng khu là ông Bùi Phú Sắc đã chết.

- Bà N trình bày: giấy nhượng quyền sử dụng đất vườn lập ngày 29/12/99 ai là người viết tôi không nắm được. Chữ ký Kế là do cụ Kế ký có trưởng khu là ông Bùi Phú Sắc (hiện đã chết) xác nhận. Tôi không đề nghị giám định chữ ký Kế tại giấy nhượng quyền sử dụng đất vườn lập ngày 29/12/99. Về mẫu so sánh để giám định chữ ký của cụ Kế tôi không cung cấp được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ.

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ, đúng, quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ việc.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc C. Ông C có quyền khởi kiện vụ án kiện đòi lại tài sản theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng:

- Vụ án có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hiện đang ở nước ngoài, vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc TAND tỉnh Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ tranh chấp:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Diện tích đất 627m², tại thửa đất số 311, tờ bản đồ 21 đã được UBND huyện Lâm Thao cấp Giấy CNQSDĐ ngày 21/12/1999 đứng tên Đào Thị Kế là di sản thừa kế của cụ Đào Thị Kế (cụ Hoàng Ngọc Y chết năm 1952 không có tài sản gì), hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, cũng như việc quản lý sử dụng thửa đất này là bà Bùi Thị N. Cụ Kế có 02 người con là ông Hoàng Văn C và ông Hoàng Văn Q. Ngoài ra, cụ Kế còn có người con riêng là ông Hoàng Ngọc L. Ông L và bà N lấy nhau có 04 người con là chị Hoàng Thị Hồng L, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc T và anh Hoàng Ngọc G.

Ngày 31/5/2007, Tòa án nhân dân thành phố V đã có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa bà N và ông L. Do đó, năm 2010 khi thời điểm cụ Kế chết thì bà N không phải là vợ của ông L nữa nên không thuộc diện được hưởng phần di sản thừa kế của ông L, hàng thừa kế của cụ Kế ở đây phải xác định là ông C, ông Q và ông L, do ông L đã chết năm 2015 nên các con của ông L là Hoàng Thị Hồng L, Hoàng Ngọc L, Hoàng Ngọc T, Hoàng Ngọc G là người được hưởng xuất thừa kế của ông L. Bà N không được hưởng, nhưng hiện tại bà N lại đang quản lý, sử dụng và đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất là di sản của cụ Kế.

Theo tinh thần tại mục I.2.4.b của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình có quy định:

“b) Trường hợp người chết để lại di sản cho các thừa kế nhưng các thừa kế không trực tiếp quản lý, sử dụng mà di sản đó đang do người khác chiếm hữu bất hợp pháp hoặc thuê, mượn, quản lý theo Ủy quyền... thì các thừa kế có quyền khởi kiện người khác đó để đòi lại di sản.”

Như vậy, ông C phải khởi kiện *“để đòi lại di sản”* mới đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án này nhưng ông C lại khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế trong khi di sản thừa kế lại do người khác không được hưởng di sản quản lý, sử dụng là sai bị đơn, sai quan hệ tranh chấp. Mặc dù, Tòa án đã giải thích cho nguyên đơn biết quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải là kiện đòi lại tài sản thừa kế nhưng nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc C. Ông Hoàng Ngọc C và các hàng thừa kế của cụ Đào Thị Kế có quyền khởi kiện vụ án *“Kiện để đòi lại di sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế”*. Trong vụ án khác.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí thẩm định tại chỗ 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 8.500.000đ chi phí đo diện tích đất ông Hoàng Ngọc C phải chịu (xác nhận ông C đã nộp đủ) vì yêu cầu khởi kiện của ông không được chấp nhận.

Về chi phí giám định 6.000.000đ bà Bùi Thị N tự nguyện chịu toàn bộ (xác nhận bà N đã nộp).

- Về án phí: Ông Hoàng Ngọc C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 158; Điều 189; Điều 609 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc C đối với bà Bùi Thị N.

[2]Về chi phí tố tụng:

Ông Hoàng Ngọc C phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) chi phí thẩm định tại chỗ và 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền đo đạc diện tích đất (xác nhận ông Hoàng Ngọc C đã nộp số tiền trên).

Bà Bùi Thị N phải chịu 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền chi phí giám định (xác nhận bà Bùi Thị N đã nộp số tiền trên).

[3]Về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Ngọc C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn